



Thái Bình

Chủ nhật

SỐ 837
Chủ nhật
Ngày 14 - 1 - 2024

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH THÁI BÌNH
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN THÁI BÌNH

TÒA SOẠN:
13 LÝ THƯỜNG KIỆT - THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
ĐT: 0227.3731.308 - 0227.3733.958 - 0227.3735.544
BÁO THÁI BÌNH ĐIỆN TỬ: www.baothaibinh.com.vn
EMAIL: tsbaothaibinh@gmail.com



Nhân rộng mô hình “Phòng họp không giấy tờ”

(Xem trang 2)



Đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu tài liệu trên phần mềm “Kỳ họp không giấy tờ”.

Tỏi An Tân xuất ngoại



Trang 3

Đặc sản lươn nấu củ chuối ở Vũ Đoài



Trang 8

Nhân rộng mô hình “Phòng họp không giấy tờ”

Giảm văn bản giấy, tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian chuẩn bị họp và thời gian họp, giúp lãnh đạo đưa ra các quyết định kịp thời, nhanh chóng, chính xác là những hiệu quả mà mô hình “Phòng họp không giấy tờ” mang lại, qua đó góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, hướng đến hoàn thành mục tiêu xây dựng chính quyền số Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 19/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

ĐÀO QUYÊN

Xu hướng tất yếu

Thời gian gần đây, trước mỗi hội nghị hay cuộc họp của Tỉnh đoàn, cán bộ văn phòng Tỉnh đoàn không còn phải tắt bật in ấn, sắp xếp tài liệu chuẩn bị mà tất cả đều được số hóa, sử dụng mã QR và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Tỉnh đoàn, qua đó giúp các đại biểu cũng như đoàn viên, thanh niên dễ dàng truy cập, tra cứu, khai thác tài liệu. Anh Thiệu Minh Quỳnh, Bí thư Tỉnh đoàn cho biết: Việc số hóa tài liệu cung cấp cho đại biểu không chỉ tiết kiệm chi phí in ấn, rút ngắn thời gian chuẩn bị họp mà còn tạo lập môi trường, phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả. Cán bộ văn phòng cũng có thêm thời gian để tập trung cho các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Tại Sở Nội vụ, một số cuộc họp của ngành thời gian gần đây đã thực hiện không sử dụng tài liệu in ấn mà tài liệu được gửi trước qua hệ thống mạng văn phòng điện tử liên thông cho đại biểu. Theo ông Phạm Mạnh Hùng, Chánh Văn phòng Sở Nội vụ: Việc chuyển phương thức làm việc từ văn bản giấy sang văn bản điện tử không chỉ giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho văn phòng phẩm, đặc biệt tránh được những sai sót trong sắp xếp tài liệu. Ngoài ra, các đại biểu có nhiều thời gian hơn để nghiên cứu tài liệu nên chất lượng thảo luận được nâng lên; tăng tính kịp thời, hiệu quả trong xử lý công việc.

Quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên các lĩnh vực, việc chuyển đổi từ phương thức họp truyền thống sang họp không giấy tờ là xu hướng tất yếu và được một số đơn vị trên địa bàn tỉnh chủ động linh hoạt triển khai thực hiện, trong đó hiệu quả nhất phải kể đến là mô hình “Kỳ họp không giấy tờ” được HĐND tỉnh chính thức triển khai từ kỳ họp thứ năm, HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Ông Nguyễn Trọng Lộ, Phó Bí thư thường trực Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Hưng Hà cho biết: “Kỳ họp không giấy tờ” mang lại rất nhiều tiện ích cho đại biểu. Chúng tôi không phải mang vài ki-lô-gam tài liệu trong suốt những ngày diễn ra kỳ họp mà chỉ cần một máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet đã tra cứu, sử dụng các tài liệu một cách dễ dàng, tiện ích, đồng thời có thể hệ thống hóa những nội dung mình quan tâm. Mỗi khi cần tra cứu, tìm kiếm lại tài liệu liên quan cũng dễ dàng hơn rất nhiều. Việc triển khai mô hình đã giúp rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả từng kỳ họp của HĐND tỉnh.

Với việc triển khai mô hình “Kỳ họp không giấy tờ” đã giúp tiết kiệm 30% chi



Đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu tài liệu trên phần mềm “Kỳ họp không giấy tờ”.

phí in ấn, photocopy tài liệu; 50% chi phí bảo trì, bảo dưỡng thiết bị photocopy, in ấn; 40% chi phí gửi văn bản hỏa tốc, chuyển phát nhanh; giảm 30% thời gian cho các phiên họp. Tài liệu được cung cấp sẵn sàng trên hệ thống nên người chủ trì và các đại biểu có tài liệu tức thì. Thời gian lấy ý kiến, biểu quyết cũng được tính bằng giây, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định kịp thời, nhanh chóng, chính xác.

Nhân rộng mô hình

Theo Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 19/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Thái Bình phấn đấu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội; hoàn thành xây dựng chính quyền số; đến năm 2030 thực hiện chuyển đổi số trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Để đạt được mục tiêu, một trong các nhiệm vụ đề ra đó là cần đẩy mạnh chuyển đổi từ phương thức họp truyền thống sang họp không giấy tờ và triển khai ứng dụng rộng rãi trong các kỳ họp, cuộc họp, hội nghị ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Theo dự kiến, trong năm 2024, UBND tỉnh sẽ triển khai

“Phòng họp không giấy tờ” phục vụ các cuộc họp tại trụ sở UBND tỉnh. Hiện nay, mỗi phiên họp UBND tỉnh có nhiều văn bản, tài liệu, báo cáo cần gửi cho đại biểu nghiên cứu. Cán bộ, công chức, nhân viên văn phòng thường xuyên phải tập họp tài liệu, báo cáo; lên danh sách đại biểu; in ấn, photocopy tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, công đoạn photocopy tài liệu cần thực hiện thủ công mất thời gian, tốn rất nhiều giấy. Một số trường hợp nhầm lẫn văn bản do chia bộ tài liệu nhầm; có trường hợp nhầm trang, thiếu văn bản, lẫn nội dung các văn bản với nhau. Tài liệu công kênh, phải mang đi mang về trong từng cuộc họp để nghiên cứu rất bất tiện. Việc tính toán số lượng đại biểu cần cụ thể, đúng số lượng vì nếu in thừa sẽ dẫn đến lãng phí, nhưng nếu không in dự phòng thì khi phát sinh đại biểu sẽ thực hiện lại công đoạn photocopy tài liệu rất mất thời gian. Từ những bất cập trên có thể khẳng định việc triển khai “Phòng họp không giấy tờ” thực sự cần thiết.

Theo ông Đỗ Như Lâm, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông: Hệ thống “Phòng họp không giấy tờ” được xây dựng bằng các công nghệ hiện đại đáp ứng đầy đủ chức năng quản lý, điều hành và được tích hợp trong cùng một

hệ thống trên giao diện website để đại biểu sử dụng. Các đại biểu chỉ cần có máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng... kết nối internet đều có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi. Hệ thống tạo ra môi trường tương tác đa chiều và tức thời, giúp đại biểu có thể chia sẻ thông tin, trao đổi và phản hồi dễ dàng. Toàn bộ quy trình được thực hiện thông qua hệ thống văn bản điện tử, không phải sử dụng văn bản in giúp giảm văn bản, giấy tờ hành chính trong phòng họp, đẩy nhanh hiệu quả làm việc, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí. Trước mỗi cuộc họp, nội dung chương trình và tài liệu được chuẩn bị, xem xét, phê duyệt và cập nhật lên hệ thống để các thành viên tham dự họp nghiên cứu trước. Các câu hỏi ý kiến của đại biểu sẽ được tổng hợp để thảo luận trong cuộc họp. Sau cuộc họp, ý kiến chỉ đạo, kết luận sẽ được tổng hợp và thông báo đến các đơn vị, cá nhân liên quan, giúp lãnh đạo theo dõi nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị... Các thành viên dự họp có thể truy cập tức thời nhiều tài liệu liên quan đến nội dung họp qua thiết bị thông minh. Hướng tới giải pháp này có thể triển khai mở rộng phục vụ cuộc họp của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

Tỏi An Tân xuất ngoại

Tin vui đến từ vùng sản xuất hành, tỏi xã An Tân (Thái Thụy), địa phương này đã liên kết với Công ty Xuất nhập khẩu nông sản Thái Bình trồng và đưa tỏi - một trong những cây trồng chủ lực ở vụ đông của địa phương xuất khẩu sang Mỹ.

NGÂN HUYỀN

Nhiều năm qua, hành, tỏi đã trở thành cây trồng chủ lực trong vụ đông của người dân huyện Thái Thụy, trong đó có xã An Tân. Nhưng cây trồng này đã không ít phen lộn độn, lao đao vì sự cạnh tranh của hành, tỏi Trung Quốc ngay cả ở thị trường trong nước. Đưa cây tỏi xuất ngoại là hướng đi mới đem lại nhiều hy vọng cho nông dân nơi đây. Trồng 1,2 mẫu hành, tỏi, vụ đông năm 2022, ông Lê Tất Lộng, thôn An Cổ Bắc, xã An Tân thu về trên 100 triệu đồng. Ông Lộng cho biết: Vụ hành, tỏi năm 2022, hành được giá nhưng tỏi lại rẻ. Được sự hỗ trợ của công ty, HTX, tỏi trồng 2 sào tỏi cân bán cho HTX. Là tỏi xuất khẩu nên yêu cầu về chất lượng cao, tỏi được công ty, HTX hướng dẫn kỹ thuật trồng, trong đó sử dụng hoàn toàn phân vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học. Đưa cây tỏi xuất khẩu đã và đang mang đến hy vọng giúp nông dân chúng tôi tiếp tục gắn bó và phấn đấu làm giàu từ cây trồng này.

Điều kiện thổ nhưỡng của xã An Tân là đất phù sa non pha cát, thêm ruộng cao, thoát nước nhanh nên thuận lợi cho trồng hành, tỏi. Đưa hành, tỏi xuất ngoại là hướng đi phù hợp giúp nâng giá trị cây trồng này. Thế nhưng, để đáp ứng

các tiêu chuẩn xuất khẩu, nông dân phải gỡ được nút thắt về chất lượng và nguồn cung ổn định cho doanh nghiệp. Ông Mai Đức Như, Giám đốc HTX SXKD DVNN Thụy An, xã An Tân cho biết: Mỗi năm, thành viên của HTX trồng từ 140 - 180ha hành, tỏi. Năm nay, tổng diện tích cây vụ đông của HTX đạt 264ha, trong đó gần 150ha hành, tỏi. Cùng với kinh nghiệm thâm canh của người dân nên diện tích và năng suất hành, tỏi của An Tân luôn đứng đầu huyện. Để nâng cao giá trị cây hành, tỏi, cùng với việc tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm, năm 2022, HTX quy vùng 10ha trồng tỏi, liên kết tiêu thụ với Công ty Xuất nhập khẩu nông sản Thái Bình. Tham gia liên kết sản xuất, Công ty hỗ trợ kỹ thuật và một phần phân bón cho nông dân. Để đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu, trong quá trình trồng và chăm sóc, nông dân phải tuân thủ quy trình kỹ thuật, sử dụng phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học và hạn chế việc sử dụng thuốc hóa học trong phòng, trừ sâu bệnh. Năm ngoái, đơn hàng đầu tiên được xuất khẩu sang thị trường Mỹ với gần 15 tấn tỏi thành phẩm. Năm nay, do thời tiết ít mưa, dự kiến năng suất hành, tỏi giảm so với mọi năm, tuy nhiên giá bán cao hơn trung bình nhiều năm.

Tỏi An Tân có vị thơm, cay đặc trưng, đặc biệt lượng tinh dầu nhiều. Việc liên kết sản xuất giúp nâng cao giá trị nông



Vụ đông năm 2023, ông Lê Tất Lộng, thôn An Cổ Bắc, xã An Tân (Thái Thụy) trồng 1,2 mẫu hành, tỏi.

sản từ 20 - 30% so với sản xuất thông thường. Ông Nguyễn Văn Phúc, Phó Giám đốc kinh doanh Công ty Xuất nhập khẩu nông sản Thái Bình cho biết: Vụ đông năm 2022, chúng tôi liên kết với HTX thu mua trên 100 tấn tỏi cho nông dân, trong đó xuất khẩu sang Mỹ được gần 15 tấn tỏi thành phẩm. Dự kiến vụ đông năm 2023, Công ty sẽ thu mua khoảng 200 tấn tỏi. Chúng tôi đang nỗ lực tìm kiếm mở rộng thị trường, phấn đấu nâng sản lượng và chủng loại để không chỉ có cây tỏi mà

xuất khẩu cả hành, ớt, tạo đầu ra ổn định cho nông dân. Để người dân yên tâm hợp tác với Công ty, ngoài tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ một phần phân bón, chúng tôi cam kết mức giá tối thiểu thu mua, đồng thời giá thu mua sẽ được điều chỉnh theo giá thị trường tại thời điểm mua.

Đưa cây tỏi xuất ngoại không chỉ giúp tạo đầu ra ổn định, nâng cao giá trị sản xuất mà còn giúp nông dân thay đổi tư duy, tập quán canh tác, bắt nhịp với sản xuất hàng hóa an toàn, bền vững.



Tỏi An Tân có lượng tinh dầu cao, được thị trường ưa chuộng.



NGUYỄN THANH
Vũ Quý, Kiến Xương

Năm 25 tuổi, Doãn Khuê thi đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1838) và được bổ chức Hàn lâm viện biên tu. Một năm sau đó được bổ làm tri phủ Ứng Hòa. Vài năm sau được về triều giữ chức Thừa chỉ rồi được thăng Phó Đô Ngự sử kiêm quyền Ngự sử đạo Lạng Bình (Lạng Sơn, Cao Bằng). Như vậy là con đường danh vọng của Doãn Khuê trong khoảng bảy, tám năm đầu tiên ở chốn quan trường cơ bản là hanh thông, thuận tiến. Nhưng chưa rõ vì sao, đến năm Đinh Mùi (1847), khi triều đình cho vời về triều để thăng thưởng và bổ dụng thì Doãn Khuê đã một mực cáo từ và xin về quê dạy học. Khi ấy ông mới bước vào tuổi 35, tài năng đang độ chín.

Trong khoảng 10 năm cáo quan về quê mở trường dạy học, Doãn Khuê đã đào tạo được nhiều học trò thành đạt, trong đó có những người đã chịu ảnh hưởng sâu đậm về tư tưởng, nhân cách, tài năng và tiết tháo của Doãn Khuê như Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến (1835 - 1909), nhà thơ trào phúng hàng đầu của Việt Nam, Đình nguyên Hoàng giáp Nguyễn Quang Bích (1832 - 1890) thủ lĩnh Cần vương số một ở Bắc Kỳ, Cử nhân Bùi Viện (1844 - 1878) nhà canh tân đất nước quê làng Trình Phố (Tiền Hải) và Cử nhân Phạm Huy Quang (1846 - 1888) quê làng Phù Lưu (Đông Hưng), một trong những thủ lĩnh Cần vương kiệt kiệt ở Thái Bình...

Cũng vào những tháng năm cáo quan về dạy học, Doãn Khuê đã được người bạn đồng khoa là Đốc học Nam Định, Hoàng giáp Phạm Văn Nghị cất tặng cho một phần đất còn đang hoang hóa ở vùng đất phía Nam phủ Nghĩa Hưng. Doãn Khuê đã chiêu mộ dân khai hóa, mở mang thêm trở thành một làng mới, nay là xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Sau khi Doãn Khuê qua đời, dân làng này đã lập đền miếu, dựng bia, tạc tượng để thờ và được triều đình ban sắc cho thờ Doãn Khuê làm thành hoàng. Hiện nay, Trường THCS của xã Nghĩa Thành được mang tên trường Doãn Khuê.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, Đốc học Phạm Văn Nghị tập hợp được 365 nghĩa sĩ, trong đó có một số văn thân, sĩ phu của các phủ huyện nay thuộc tỉnh Thái Bình vốn là học trò của Doãn Khuê đã tham gia đoàn quân Nam tiến. Trước khi lên đường, Phạm Văn Nghị đã tiến cử với triều đình bổ nhiệm Doãn Khuê lãnh chức quyền Đốc học thay mình. Có lẽ, do đã có sự bàn bạc thống nhất với Phạm Văn Nghị nên Doãn Khuê đã ra nhận chức Đốc học mà thực chất lại là "đốc binh". Với cương vị Đốc học và bằng tất cả năng lực, uy tín của mình, Doãn Khuê đã xông xáo đến từng phủ huyện vận động các văn thân, sĩ phu yêu nước hưởng ứng công cuộc chống họa xâm lăng. Đồng thời, ông đứng ra tổ chức việc luyện tập võ nghệ, chiêu mộ hương dũng tại các trường học của các phủ huyện. Vào thời điểm đó, các quan trong triều, ngoài trấn đang có chiều hướng phân hóa thành hai phe chủ hòa và chủ chiến. Bản thân vua Tự Đức và triều đình thì chưa có quyết sách rõ ràng. Trước tình thế đó, Doãn Khuê kiên gan chủ chiến. Ông đã vận động các chức sắc trong tỉnh ký tên vào tờ tấu gửi vào triều, thống thiết tấu trình việc không thể nghị hòa với giặc Pháp. Sử sách triều Nguyễn đã ghi sự kiện này: "Mùa xuân, tháng 3 năm Canh Thân (1860),... Linh Đốc học Nam Định là

NHÀ GIÁO DOÃN KHUÊ

Rạng ngời phẩm hạnh, công danh

Tiến sĩ Doãn Khuê (1813 - 1885) tự Quang Khuê hiệu là Bảo Quang, sinh ra trong một gia đình có truyền thống nho học ở làng Ngoại Lãng, nay thuộc xã Song Lãng, huyện Vũ Thư. Ông được sử sách lưu danh là nhà yêu nước kiệt xuất, nhà giáo tài ba, nhà canh tân đất nước, một danh nhân rạng ngời phẩm hạnh, công danh từng được ngợi ca như một ngôi sao sáng trên bầu trời văn hiến Việt Nam vào thế kỷ XIX.



Bia Tiến sĩ năm Mậu Tuất (1838) đặt tại Văn Miếu Huế, bia thứ 6 nhà bia hữu vu ghi danh Tiến sĩ Doãn Khuê.

Nguồn internet

Doãn Khuê cùng các viên giáo thụ, huấn đạo, tri phủ, tri huyện làm mật tấu, hết sức nói việc nghị hòa là hỏng...".

Từ năm 1861 đến năm 1866, Doãn Khuê liên tiếp được triều đình bổ nhiệm các chức Thừa chỉ, Đốc học Sơn Tây, Đốc học Nam Định, Hải Phòng sứ... Ở cương vị nào ông cũng tận tâm tận lực lo trọn phận sự được giao. Tháng 3/1866, ông được thăng thụ Quang lộc tự khanh, được vua Tự Đức ban cho một chiếc thẻ bài bằng vàng tía có chữ "hiếu nghĩa". Tháng 11 năm đó Doãn Khuê về kinh chiêm bái Tự Đức, lấy cớ có bệnh xin cáo quan. Đương nhiên, vì biết rõ tài năng, uy tín và ảnh hưởng của Doãn Khuê với giới sĩ phu Bắc Hà, trong đó nhiều người là học trò của ông nên Tự Đức không cho ông hưu quan, sau đó lại giao kiêm chức Hải Phòng sứ để chăm lo việc phòng thủ trận tuyến duyên hải phía Bắc rồi lại giao tiếp chức Doanh điền sứ Nam Định để mở mang kinh tế ở vùng này.

Trong những năm từ 1866 - 1873, Doãn Khuê đã cùng thuộc hạ, phần đông là học trò cùng hai con trai ông là Doãn Chi và Doãn Vị tận tụy ngày đêm triển khai các kế sách phòng thủ miền duyên hải để chuẩn bị chặn đánh quân Pháp khi chúng tấn

công xâm chiếm Bắc Kỳ sẽ tất yếu phải qua vùng đất này. Với cương vị Doanh điền sứ Nam Định, Doãn Khuê không chỉ được lưu danh vì đã cùng Cử nhân Bùi Viện khai mở cảng Hải Phòng mà còn làm khá nhiều việc trong lĩnh vực cải tạo đồng ruộng. Nhiều công trình thủy lợi do ông khởi xướng đã tạo tiền đề phát triển nông nghiệp vùng duyên hải còn tác động đến ngày nay. Sách "Đại Nam thực lục" đã chép:

Năm Kỷ Ty (1869): "Thương biện Nam Định Hải Phòng sứ linh Đốc học Doãn Khuê xin thôi chức Đốc học để khuyến quyền, chiêu mộ người khai thác bãi cát ở ven biển, 3 năm thành điền, 1 phần làm ruộng công, 2 phần làm ruộng tư, nhưng chiếu số tiền tâu xin cho lượng phẩm hàm đều cho làm việc. Vua y cho Khuê kiêm chức Doanh điền sứ".

Năm Canh Ngọ (1870), Doãn Khuê đã bàn với Linh Tổng đốc Định - Yên lập tờ tâu: "Các sông Ngự Long, Bán Thủy huyện Tiền Hải đều hút nước ở sông Lân Hải, nên phải ngăn chặn cho nước mặn không tràn vào được. Lại ở sông Liêm Giang (nay là Kiến Giang), phía trên từ cửa sông Nguyệt Lâm suốt đến cửa khe Trình Phố, rẽ sang sông Bán Thủy, xin đều cho khơi vét từng

đoạn để đón lấy nước ngọt, cần phải rộng 8 trượng, sâu 5 thước, hai bên đều đắp đê nhỏ để chắn nước lụt. Công việc đào sông đắp đê, xin lấy dân phu 6 tổng ở huyện Tiền Hải và các tổng ở hai huyện Vũ Tiên, Chân Định cùng đắp và làm, mở vào ruộng đất công tư bao nhiêu, trừ vào ngạch ruộng, cho miễn thuế. Vua cho phép làm".

Năm Tân Mùi (1871), Doãn Khuê tâu: "Về hạt huyện Thụy Anh các xã trên từ Thu Cúc xuống đến Lỗ Tràng, đất bãi bỏ hoang, xin giao cho lính mộ khai khẩn. Còn ruộng cỏi xin sức cho dân khai vào số chịu thuế. Vua y cho".

Năm Quý Dậu (1873), Doãn Khuê tâu: "Hai xã thôn Hạc Lương, Thuận An, ruộng đất vỡ lở, dân xiêu tán, xin đem ruộng đất bỏ hoang khó làm là 40 mẫu, Nguyễn Bá Phổ ở giáp Thận Hành nhận mua, chia giao cho hai xã thôn chiếu sổ nhận tiền. Vua y cho"...

Cũng vào năm Quý Dậu (1873), thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất, mở đầu bằng việc đánh chiếm thành Nam Định. Từ nhiều tháng trước đó, tinh thần Nam Định trong đó có Doãn Khuê cùng các con cháu ông và các yếu nhân khác đã chủ động triển khai bố phòng từ cửa Ba Lạt và các điểm xung yếu trong vùng. Khi giặc tràn vào địa phận, các lực lượng yêu nước đã chống trả quyết liệt. Nhiều tấm gương nghĩa sĩ đã xả thân đánh giặc để giữ đất, giữ thành nhưng vì thế lực địch quá mạnh, thành Nam Định rơi vào tay giặc. Triều đình Tự Đức đã triệu các chức sắc tỉnh Nam Định, trong đó có Doãn Khuê về kinh nghị tội. Vào năm sau (1874), mặc dù triều đình cho khôi phục chức tước nhưng Doãn Khuê một mực cáo quan về quê tiếp tục sự nghiệp của một nhà giáo vốn là sở đắc của ông.

Về trí sĩ ở tuổi ngoại lục tuần, tuy có vui với việc dạy bảo học trò nhưng Doãn Khuê vẫn dóc lòng cổ vũ, chỉ bảo cháu con và môn sinh cùng các tầng lớp nhân dân ở quê hương tiếp tục con đường chống Pháp. Ông không chỉ quên thân, trọn đời dóc tâm lo nước, thương dân mà còn dứt ruột, xé lòng cống hiến cả những người con, người cháu của mình cho các trận tuyến. Doãn Khuê đã đề xuất với triều đình giao cho con ông đảm đương những cương vị đầy cam go trước thế trận hiểm nghèo. Sử xanh đã lưu danh và tôn vinh công trạng về sự hy sinh quả cảm của các con ông.

Đúng vào thời điểm vua Hàm Nghi ra sơn phòng ban chiếu Cần vương (1885) thì vị hưu quan, nhà giáo lão thành Doãn Khuê lâm bệnh và qua đời bên những chồng sách chất ngất trong căn nhà nhỏ đơn sơ nằm giữa mấy sào vườn ở làng Ngoại Lãng. Cùng với công danh và phẩm hạnh để đời thì sự thanh bản, liêm chính của nhà giáo Doãn Khuê cũng rất đáng coi là di sản của một học quan người Thái Bình thuở trước để lại cho hôm nay và mai sau.

Chợt về xanh mát hồn tôi hồn làng!



Ảnh minh họa

ĐỖ TRỌNG KHOI

Thành phố Thái Bình

Không rõ tre mọc trên mặt đất từ bao giờ, và từ đâu tre đã bó bên với làng quê Việt đến cỡ thành ra một biểu tượng kiên gan của con người xứ sở? Một câu hỏi không có lời đáp, mà cũng chả cần chỉ sự chính xác niên đại tuổi tre. Tôi nghĩ, cũng như vô vàn cây cối khác mọc trên mặt đất tùy sự cần của con người mà loài cây ở hay đi, rồi nữa tùy cái tâm tính của môi trường khí hậu, của đời sống quần thể xã hội mà nên danh vị tinh thần rồi qua đó xác lập thế trụ ở thế gian cho người và vật. Với đất Việt trời Nam này, sen thành biểu tượng cho tâm và linh, tre làm biểu tượng cho cốt cách, khí phách giống nòi.

Đất nước ta ở làng quê nào mà không có tre. Tre mọc thành khóm/bụi, giăng hàng ngang hàng dọc, kết bè kết mảng cứ như có sự tính toán bài bản liên thủ với nhau để tự bảo vệ, giữ gìn lấy khóm/bụi của mình. Ban đầu mới chỉ là vậy. Sau con người đến định cư, lập làng xã, để rồi cách tồn tại của giống tre đã gặp cốt tinh cảm tinh thần của tộc người mà nên bầu bạn, bó bên, sở dụng, cộng sinh cùng nhau mà định cốt cách riêng một xứ trời quê.

Làng tôi xưa nhiều tre lắm. Nếu tính tre với nhà thì cứ một đi đôi đi ba, nghĩa là mỗi ngôi nhà trông vài khóm tre mà làng tôi ngày đó có trên trăm ngôi nhà bởi thế tre có khoảng vài ba trăm khóm. Tre ngự bên vườn, mé ao, tre giăng hàng xàng hàng xéo khắp đường làng lối xóm. Và tre là nơi trú ngụ của chim cò. Cò ngàn con bay trắng trong mai sớm nắng chiều. Trong đêm trăng, cò chen nhau đậu trắng cả nhánh tre. Cò ngủ, tre không ngủ, cứ liên hồi ngả nghiêng theo chiều gió. Khi gió mạnh, tre khua cò thức, lại ngàn những chiếc cánh trắng dập dờn, xao xác, rào rào khiến người già tỉnh giấc.

Theo ký ức của tôi và nghe ông bà kể lại, làng những năm 1950 - 1960 và trước nữa, có mấy thửa đất nhiều tre nhất là khu đồng dưa, khu đồng miếu, gò mả trại, gò mỏ chả. Trong làng thì có những dải cồn như cồn nhà ông Hàm, vườn nhà cụ Thường đều có nhiều tre và chim cò đến ở. Ông Hàm là bác họ tôi, nhà bác ở ngay bên nhà tôi. Vào đầu những năm tháng

tuổi thơ đó, tôi thường cùng mấy đứa trẻ xóm ra cồn nhà bác đợi xem cò về ngủ nhưng cũng chỉ dám đến vào lúc chạng vạng, nắng còn lấp lánh trên ngọn tre, chứ lúc đêm buông thì cho kẹo bọn tôi cũng chả dám mò ra bởi tre nhiều và ken dây khiến khoảng trời nơi cồn đất bỗng chốc thành u tối và đầy gai góc. Ban đêm ở làng xưa, nơi những cồn tre thật nhiều quyền lực bí ẩn! Mà cứ gì ban đêm, dưới vầng dương nắng tỏa, ở làng quê bao đời qua, tre vốn là thứ cây trừ đầy quyền lực. Tre đi vào đời sống con người như một kẻ bảo trợ thánh thần. Tự xưa xưa, tre đã vì con người mà hóa thân làm nên những ngôi nhà trên nhà dưới, những dây lán nơi bãi chợ bên sông. Rồi kể đó, tre làm ra từ cái bé tí là tấm đến những thứ vật dụng sản xuất, to hơn là đòn khiêng, đòn gánh, cán cuốc, cán xẻng, cái nơm, cái đó, cái cần câu, cái câu liêm, đỉnh ba, cùng những dầm, sàng, nong nia, thúng mẹt. Tre và nữa cùng dòng thân đốt nhà tre, đóng thành thuyền nan thuyền thúng, thành

những cây cầu, con đò cái sào chuyên chở người qua sông cái sông con. Lớn lao kỳ vĩ là khi tre giăng thành lũy che chắn bảo đông, làm cây mác cây chông, làm cung làm nỏ làm tên đánh giặc đem lại sự bình yên cho những ngôi làng. Vào buổi thanh bình thì tre hóa thân thành cánh diều sáo vi vu thổi sớm reo chiều, và tre còn được chế tác làm âm nhạc trong những cần bầu cần nhị, cây sáo trúc, đàn T'rưng, đàn Chapi... Khi cảm mạo ốm đau, lá tre góp mặt trong nồi nước xông; khi cha già mẹ héo, tre hóa linh thành cây gậy chống cho con lúc đưa cha mẹ ra đồng... Vậy là từ ngôi nhà che mưa nắng, đến tất tạt đồ dùng vật dụng công cụ sản xuất, giai điệu âm nhạc đều được chế tác từ tre. Sự tác hợp sinh tồn giữa người và tre thật đã như vậy mới thấy thiết thực thiết thân thiết cốt làm sao!

Có thể nói thế này chăng: Phi tre xanh bát thành làng Việt! Ấy thế mà nay, theo nhịp điệu và hình sắc kiến thiết làng quê

Việt Nam đã nhiều thay đổi. Những kiểu nhà khác, những con đường làng ngõ xóm cũng khác, rộng rãi và bê tông hóa cả rồi. Tre phải âm thầm dạt ra ven bến bãi hay đi thực lại rừng. Như làng quê tôi, tre cũng đã thưa vắng lắm. Nhiều lúc lòng chổng chênh vì nỗi nhớ tre. Đành rằng mỗi thời mỗi khác. Hình ảnh quang gánh kéo kẹt trên vai người làng nay hiếm gặp, đến cái rổ, rá, dầm, sàng đan bằng nan tre nay cũng ít người dùng... Dầu lòng vậy! Hẳn nhiều người lớp tuổi U40, U50 trở lên vẫn thường lưu nhớ về làng xưa tre xưa bao ngày rù bóng xuống cõi lòng yêu thương trong mình. Nhớ làng, nhớ tre thêm nhớ bao người làng đã đi vào thăm thẳm. Mỗi bóng người làng khuất cơ hồ đều có bóng tre bỏ bãi khuất theo.

Chiều nay ra đứng ven đường

Gọi làng, vọng nỗi cố hương xa vời

Tre xanh hồn của bao đời

Chợt về xanh mát hồn tôi hồn làng!

Tôi từng có những chiều thờ than cùng tre vậy. Nhớ tre thêm nhớ làng!



Ảnh minh họa

NHÂN SINH “TẬP ĐẠI THÀNH”

Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn, ngôi sao sáng trên bầu trời văn hiến Việt Nam thế kỷ XVIII, khiêm tốn trong tựa sách “Kiến văn tiểu lục” rằng: “Tôi vốn là người nông cạn, lúc còn bé thích chứa sách, lúc trưởng thành ra làm quan, xem lại sách đã chứa trong tủ, vâng theo lời cha dạy, lại được giao du nhiều với các bậc hiền sĩ đại phu. Thêm vào đấy phụng mệnh làm việc công, bốn phương rong ruổi: mặt bắc sang sứ Trung Quốc, mặt tây bình định Trấn Ninh, mặt nam trấn thủ Thuận Quảng (Thuận Hóa, Quảng Nam). Đi tới đâu cũng để ý tìm tòi, làm việc gì mắt thấy tai nghe đều dùng bút ghi chép, lại phụ thêm lời bình luận sơ qua, giao cho tiểu đồng đựng vào túi sách”.

QUANG VIỆN

Ngọc phá gia tộc họ Lê Quý ở thôn Đồng Phú, xã Độc Lập có ghi: Lê Quý Đôn thuở nhỏ có tên là Lê Danh Phương, tự là Doãn Hậu, hiệu là Quế Đường, sinh ngày 5 tháng 7 năm Bính Ngọ (tức ngày 2/8/1726) niên hiệu Bảo Thái thứ 7 ở làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam, nay là thôn Đồng Phú, xã Độc Lập huyện Hưng Hà. Lên 5 tuổi ông đã học được nhiều bài trong Kinh Thi, 11 tuổi học sử mỗi ngày thuộc được tám chín mười chương, học Kinh Dịch mỗi ngày được một phần Cương Lĩnh và Đồ thuyết, 14 tuổi học hết Ngũ Kinh, Tứ Thư, Sử, Truyện và đọc đến cả Chư tử. Trong một ngày làm đến mười bài phú không phải viết nháp. Năm 14 tuổi, Lê Quý Đôn theo cha lên học ở kinh đô Thăng Long. Lúc ấy cậu bé 14 tuổi đã học xong toàn bộ sách kinh, sử của Nho gia. Ông đỗ đầu cả ba kỳ thi: thi Hương, thi Hội, thi Đình, khoa thi năm ấy, triều đình không chọn tiến sĩ và ông là Tam nguyên Bạng nhân.

Sử sách chép rằng, danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn là người tài trí vẹn toàn và thấm đẫm triết lý sống của người xưa: “Tri túc tâm thường lạc. Vô cầu tự phẩm cao”, nghĩa là: Luôn luôn nghĩ mình như thế là đủ thì tâm được yên vui. Không cầu cạnh ai điều gì thì phẩm giá được cao trọng. Giá trị của các trước tác mà danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn là người ghi chép, phân loại như cái mốc lớn đánh dấu thành tựu vĩ đại trong lịch sử văn hóa, văn hiến Việt Nam. Theo các nguồn khảo luận, năm Nhâm Thân 1752, Lê Quý Đôn thi đỗ Bảng nhãn và được bổ nhiệm chức thị thư ở Hàn lâm viện. Những tác phẩm tiêu biểu của Lê Quý Đôn còn giữ được có thể kể ra như sau: “Quần thư khảo biện”, tác phẩm chứa đựng nhiều quan điểm triết học, lịch sử, chính trị được viết trước năm ông 30 tuổi. “Vân đài loại ngữ”, Lê Quý Đôn làm xong lúc ông 30 tuổi; đây là một loại “bách khoa thư”, trong đó tập hợp các tri thức về triết học, khoa học, văn học... sắp xếp theo thứ tự: vũ trụ luận, địa lý, điển lệ, chế độ, văn nghệ, ngôn ngữ, văn tự, sản vật tự nhiên, xã hội... “Vân đài loại ngữ” là bộ sách đạt tới trình độ phân loại, hệ thống hóa, khái quát hóa khá cao, đánh dấu một bước tiến bộ vượt bậc đối với nền khoa học Việt Nam thời phong kiến. “Đại Việt thông sử”, còn gọi “Lê triều thông sử”, là bộ sử được viết theo thể ký truyện, chép sự việc theo từng loại, từng điều một cách hệ thống, bắt đầu từ Lê Thái Tổ đến Cung Hoàng, bao quát một thời gian hơn 100 năm của triều Lê,



Đền thờ danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn, thôn Đồng Phú, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà.

trong đó chứa đựng nhiều tài liệu mới mà các bộ sử khác không có, đặc biệt là về cuộc kháng chiến chống Minh. “Kiến văn tiểu lục”, là tập bút ký nói về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ đời Trần đến đời Lê... Ông còn đề cập tới nhiều lĩnh vực thuộc chế độ các vương triều Lý, Trần, từ thành quách núi sông, đường sá, thuế má, phong tục tập quán, sản vật, mô đồng, mô bạc và cách khai thác cho tới các lĩnh vực thơ văn, sách vở... “Toàn Việt thi lục” 6 quyển, là công trình biên soạn lớn nhất của Lê Quý Đôn, tuyển chọn 897 bài thơ của 73 tác giả từ thời Lý đến đời Lê Tương Dực (1509 - 1516). Lê Quý Đôn trở thành người có công đầu tiên nghiên cứu về xứ Đàng trong. “Phủ biên tạp lục” là tập bút ký của Lê Quý Đôn viết về Đàng trong, nhất là xứ Thuận và xứ Quảng từ thế kỷ XVIII trở về trước.

Lê Quý Đôn với học vấn uyên bác lại sống trong thời đại là xã hội phong kiến suy tàn chứa đầy mâu thuẫn, “trong rủi có may”, chính trong sự suy tàn quyền lực, dòng đời lại nảy sinh những mầm mống tích cực. Nếu trước Lê Quý Đôn đã xuất hiện nhiều tên tuổi sáng láng như

Đoàn Thị Điểm, Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn, Lê Hữu Trác... cùng nền tri thức văn hóa, khoa học của dân tộc được tích lũy trong dân gian từ hàng nghìn năm đã ở vào giai đoạn rực rỡ nhưng chưa được ghi chép, phân loại, thì đúng lúc ấy, ông xuất hiện và tỏa ánh hào quang như sao sáng trên bầu trời văn hiến của dân tộc ta. “Vân đài loại ngữ” là một trong những trước tác của danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn và được coi là bộ bách khoa từ điển của Việt Nam. Chỉ riêng bộ sách này cũng đã khái quát sự đóng góp to lớn của ông vào kho tàng văn hóa dân tộc ta. Hầu hết những nhà nghiên cứu về các ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên đều tìm đến bộ sách đại tự điển này. Muốn hiểu về nền văn hiến Việt Nam thì lời khuyên là nên đọc sách “Vân đài loại ngữ”, nhưng nếu muốn biết về phong tục tập quán của người Việt thì nên đọc “Kiến văn tiểu lục”... của Lê Quý Đôn. Muốn biết tình hình xã hội Đàng trong thời phong kiến, hãy đọc “Phủ biên tạp lục”, bộ sách này còn khẳng định chủ quyền biển đảo của chúng ta đối với hai quần đảo Hoàng

Sa và Trường Sa. Còn lĩnh vực sử học, những người quan tâm không thể bỏ qua hai bộ sách là “Đại Việt thông sử”, “Bắc sử thông lục” bởi vì hai bộ sách này ngoài giá trị to lớn về kho tư liệu còn cung cấp cho các nhà nghiên cứu về khoa học lịch sử phương pháp nghiên cứu sử học khoa học đặc thù của Lê Quý Đôn. Khi viết “Đại Việt thông sử”, Lê Quý Đôn sớm tổng kết: “Phép làm sử là phải nhặt đủ không bỏ sót, để cho người ta sau khi mở sách ra xem, rõ được manh mối, biết được đầu đuôi, tuy không tận mắt thấy tai nghe, mà rõ ràng như chính mình được thấy”. Những người yêu thích văn học cổ, có ý nghiên cứu không thể không đọc “Toàn Việt thi lục” vì sách ông viết là hệ thống thơ văn thời Lý - Trần. Trong bộ sách này, Lê Quý Đôn đã chọn được 2.391 bài thơ của 175 tác giả từ thời Lý đến đời hậu Lê vua Lê Tương Dực.

Ngoài lĩnh vực ghi chép và nghiên cứu về văn hóa dân gian, phong tục tập quán, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, đối với lĩnh vực sử học, những người quan tâm không thể bỏ qua hai bộ sách là “Đại Việt thông sử”; “Bắc sử thông lục”, bởi vì hai bộ sách này ngoài giá trị to lớn về kho tư liệu mà sách còn cung cấp cho các nhà nghiên cứu về khoa học lịch sử phương pháp nghiên cứu sử học, khoa học đặc thù của Lê Quý Đôn. Khi viết “Đại Việt thông sử”, danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn đã tổng kết rằng: “Phép làm sử là phải nhặt đủ không bỏ sót, để cho người ta sau khi mở sách ra xem, rõ được manh mối, biết được đầu đuôi, tuy không tận mắt thấy tai nghe, mà rõ ràng như chính mình được thấy”.

Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn là học giả kiệt xuất, một nhà khoa học lớn có những đóng góp quan trọng vào kho tàng văn hóa của dân tộc Việt, làm rạng rỡ nền văn hiến Việt Nam. Những trước tác của ông thể hiện tư tưởng vĩ đại, tư tưởng khẳng định và đề cao văn hóa và văn hiến Việt Nam. Ngay cả với triết học, một ngành khoa học xã hội chậm phát triển ở nước ta thời bấy giờ cũng được Lê Quý Đôn để cập sâu sắc trong “Vân đài loại ngữ”; “Quần thư khảo biện”; “Thánh mô hiển phạm lục”; “Thư kinh diễn nghĩa”... ở những bộ sách này, tư tưởng triết học tiến bộ đã được đề cập.



“Thuốc” gì chữa bệnh tham - sân - si?

Bác sĩ **BUI VŨ KHỨC**

Chúng ta đã từng nghe, từng hiểu về ba từ “tham, sân, si” nhưng tác động ảnh hưởng của tham - sân - si gây tổn hại đến sức khỏe con người như thế nào thì có thể các bạn chưa quan tâm nhiều.

Trong kinh Phật từng coi tham lam - sân giận - ngu si là bộ ba “tam độc” và là nguyên nhân gây ra mọi khổ đau, bất hạnh mà chúng ta phải chịu đựng.

Khổ đau bất hạnh cũng chính là hệ quả của một căn bệnh tâm thần trầm kha nhất, khó chữa nhất và nó cũng đeo đuổi ta dai dẳng nhất.

Tham - sân - si đều bắt đầu từ ở cái đầu của chúng ta mà sinh ra và cũng chính bộ ba “tam độc” này đã làm cho ta đau đầu, thậm chí đau cả lục phủ ngũ tạng, mất ăn mất ngủ vì nó.

I/ “THAM” ĐÃ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỨC KHỎE CỦA BẠN NHƯ THẾ NÀO?

1) Tham tiền của

Tham vào cho mình thì tất nhiên phải lấy đi của người khác (gọi là tham lam); hoặc lấy của công về làm của tư (gọi là ăn cắp, tham nhũng).

Tham mà tranh giành của người khác thì sinh thù ghét, oán hận. Nếu tham mà

lấy của công thì vi phạm pháp luật, trở thành tội phạm.

Tham mà người ta biết thì ắt sẽ bị người ta tố cáo hoặc trả thù, hoặc vướng vòng lao lý.

Hỏi rằng?

Tham mà để người ta chửi rủa, ghen ghét, oán hận thì sao yên, sao khỏe?

Tham mà để người ta bắt tù bắt tội thì đau cả thể xác lẫn tinh thần, làm gì có tự do, khỏe mạnh?

Tham mà người ta chưa biết hoặc không biết, thì cũng luôn trong tâm trạng nơm nớp, ăn không ngon, ngủ không yên, cái đầu luôn lo âu, u tối thì làm sao mà khỏe mạnh được?

“Trót vì tay đã nhúng chàm,

Dại rồi còn biết khôn làm sao đây?”

2) Tham quyền lực, chức sắc (tham tài)

Cụ Nguyễn Du đã tổng kết: “Chữ tài đi với chữ tai một vần”.

Nếu phấn đấu vô tư trong sáng, theo đúng năng lực của bản thân thì đó là xứng đáng và vừa sức của mình, thì được ích mình, lợi nước.

Nếu tham chức quyền mà bất chấp, dẫm đạp lên người khác, thì ắt có kẻ thù, sẽ gánh chịu hậu quả.

Sức không kham nổi mà tham quyền cao chức trọng thì vừa mệt vừa khổ, đứt gánh bất kỳ.

Kết cục chẳng tử, chẳng vong thì cũng thân bại danh liệt, người đời quên rủa.

3) Tham tình

Tham chữ tình mà không gây tổn hại đến ai, tham mà lại giúp được người, thì rất có ích cho đời, không hề hổ thẹn.

Tham mà gây tổn hại đến người, làm phá vỡ trật tự gia đình và xã hội thì không thể nói là bình an, khỏe mạnh được.

“Phận bèo bao quản nước sa,
Lênh đênh trôi nửa vẫn là lênh đênh”.

4) Tham làm

Tham làm quá mức thì sẽ sinh lao碌, tổn hại đến sức khỏe, cả trước mắt và lâu dài.

“Còn trẻ bán sức khỏe kiếm tiền
Về già đem tiền mua sức khỏe”.

(còn nữa)



Hình minh họa

HỘP THƯ BẠN ĐỌC



Tuần qua, Tòa soạn Báo Thái Bình nhận được thư của ông Trần Dương Lễ, Chủ tịch Hội đồng hương Thái Bình tại tỉnh Phú Yên. Trong thư, thay mặt Hội đồng hương Thái Bình tại tỉnh Phú Yên, ông Trần Dương Lễ cảm ơn các đồng chí lãnh đạo tỉnh và tòa soạn Báo Thái Bình đã quan tâm, động viên bà con, cấp Báo Thái Bình cho Hội, giúp những người con xa quê nắm bắt kịp thời, đầy đủ thông tin mọi mặt của quê hương. Qua hơn 20 năm thành lập, Hội đồng hương đã tập hợp đông đảo những người con Thái Bình trên quê hương thứ hai Phú Yên sinh hoạt nhằm gắn kết tình cảm quê hương, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, hoạn nạn. Phát huy truyền thống “Quê hương năm tấn” anh hùng, góp phần xây dựng tỉnh Phú Yên phát triển, Hội đã chung tay xóa đói giảm nghèo, động viên, khen thưởng các cháu học sinh vượt khó học giỏi, mừng thọ các cụ cao niên. Hội hoạt động nền nếp, đầy ấp tình người, gắn kết cư dân bản địa, được MTTQ địa phương tin tưởng, đánh giá cao, hội viên yêu mến, gắn bó.

Trong tuần, Tòa soạn tiếp tục nhận được nhiều tin, bài, ảnh, tản văn, thơ, tạp bút, truyện ngắn... của các cộng tác viên (CTV) trong và ngoài tỉnh. Tiêu biểu như các CTV: Công Liêm (thành phố Thái Bình); Đỗ Phúc Tâm, Nguyễn Văn Thuyền (Vũ Thư); Ngô Văn Mãn, Nguyễn

Tường Thuật (Thái Thụy); Ngọc Tuyền (Kiến Xương); Lương Thế Lộc (Ủy ban MTTQ tỉnh); Bình Vân (Công an tỉnh); Bá Mạnh (Liên đoàn Lao động tỉnh); Đỗ Văn Dũng (Bộ CHQS tỉnh); Phạm Đông (Ban CHQS huyện Tiền Hải); Xuân Vạn (Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư); Nguyễn Thị Xuân (Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy); Vũ Đông (Đài TTTT Kiến Xương); Lan Hương, Hồng Sơn, Đào Hạnh (Đài TTTT thành phố Thái Bình); Lê Lan, Hoàng Hương (Đài TTTT Thái Thụy); Tô Phương (Đài TTTT Đông Hưng); Trúc Lành (Đài TTTT Hưng Hà); Tiên Dung, Hà Thanh (Đài TTTT Vũ Thư); Nguyễn Ngọc Minh Anh, Nguyễn Lê Ái Ngọc, Lê Thị Ngọc Nữ, Thạch Bích Ngọc (Thành phố Hồ Chí Minh); Nguyễn Thị Hải, Lê Thị Kết (Hà Nội); Tịnh Bình (Tây Ninh); Phạm Thúy Vinh, Đặng Thị Ước (Hải Phòng); Ngô Trọng Nghĩa (Trà Vinh); Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định); Đoàn Trung Phong (Nghệ An)...

Trong tuần, CTV Ngô Trọng Nghĩa có thơ “Em và mùa xuân”, “Tiếng chim gọi bầy”; CTV Tiên Dung có bài “Treo lịch đón tết”; CTV Đỗ Phúc Tâm có câu đối mừng thọ; CTV Võ Trung Tuyền có thơ: “Quê hương tôi”, “Tổ quốc gọi”, “Biển nổi nhớ và em”; CTV Nguyễn Thị Loan có bài “Những ngày tháng Chạp tuổi thơ”; CTV Tịnh Bình có thơ “Quê nhà tháng chạp”; CTV Nguyễn Lê Ái Ngọc có thơ “Rộn ràng

mùa xuân”; CTV Lê Thị Ngọc Nữ có bài “Bánh tét ngày xuân”; CTV Nguyễn Ngọc Minh Anh có thơ “Đóa thiên đầu xuân”. Ngoài ra, Tòa soạn cũng đã nhận được nhiều bài viết về các hoạt động trong dịp tết như CTV Thạch Bích Ngọc có bài “Cần ngăn chặn và xử lý nghiêm tình trạng sản xuất, buôn bán và đốt pháo nổ” và bài “Tết đến xuân về lại bàn chuyện văn hóa li xì”; CTV Lê Thị Kết có bài “Mua giò quà tết sắp sẵn và một số lưu ý”; CTV Nguyễn Lê Ái Ngọc có bài “Nét đẹp văn hóa li xì”...

Các tin, bài thời sự khác trong tỉnh, CTV Trúc Lành có tin: Huyện ủy Hưng Hà triển khai nhiệm vụ công tác tuyên giáo, giáo dục lý luận chính trị năm 2024; CTV Nguyễn Thị Xuân có tin: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phối hợp với Tòa án tổ chức phiên tòa số hóa, rút kinh nghiệm trực tuyến hai cấp vụ án hình sự; CTV Bá Mạnh có tin: Hơn 120 tập thể, cá nhân ngành nông nghiệp được tổ chức công đoàn khen thưởng; CTV Tô Phương có tin: Đông Hưng cương chế thu hồi đất thực hiện dự án khu nhà ở thương mại tại xã Nguyên Xá và tin: Công an huyện Đông Hưng triển khai công tác công an và phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” năm 2024; CTV Bình Vân có tin: Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh khởi tố vụ án tham ô tài sản; CTV Văn Dũng có tin: Bộ CHQS tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết công tác quân sự năm 2023; CTV Xuân Vạn có tin: Phát cháo và trao quà cho bệnh nhân tại Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư; CTV Lan Hương, Hồng Sơn có phóng sự truyền hình “Khắc phục tật khúc xạ về mắt cho thanh niên nhập ngũ”. Theo phóng sự, thực tế công tác tuyển quân những năm

qua cho thấy, số thanh niên thành phố Thái Bình không đủ điều kiện sức khỏe để nhập ngũ nguyên nhân chủ yếu là do mắc tật khúc xạ về mắt, chiếm tới trên 40%. Để khắc phục tình trạng này, mùa tuyển quân năm 2024, nhiều địa phương và gia đình đã quan tâm tới việc mổ cận để bảo đảm đủ điều kiện quy định về sức khỏe cho thanh niên nhập ngũ... Gương sản xuất, kinh doanh giỏi, CTV Lê Lan có bài “Nông dân xã Thụy Trường sử dụng hiệu quả nguồn vốn tín dụng” và bài “Chị Nhài đi lên từ trồng cây màu”, viết về chị Nguyễn Thị Nhài ở thôn Đông Hưng, xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy gắn bó với ruộng đồng. Nhiều năm qua, nhờ mạnh dạn tích tụ ruộng đất để đầu tư sản xuất cây màu, mùa nào thức nấy một năm 3 - 4 vụ đã mang lại cho gia đình chị nguồn thu hàng trăm triệu đồng/năm...

Tin, bài của các bạn gửi về cộng tác đã, đang được biên tập, chọn đăng tải trên Báo Thái Bình điện tử (baothaibinh.com.vn) và báo in Báo Thái Bình. Ban Biên tập Báo Thái Bình trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình cộng tác của các bạn và mong các bạn tiếp tục cộng tác thường xuyên.

Tin, bài gửi về cộng tác đề nghị các bạn ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc. Mỗi tin, bài gửi về cộng tác, đề nghị gửi kèm 1 - 3 ảnh cùng nội dung, có chủ thích đầy đủ. Tin, bài thời sự, đề nghị các bạn gửi kịp thời trong ngày để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc.

Tin, bài, ảnh cộng tác của các bạn gửi về địa chỉ: Tòa soạn Báo Thái Bình, số 13, phố Lý Thường Kiệt, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình hoặc hòm thư điện tử: tsbaothaibinh@gmail.com.

Trân trọng!

Đặc sản lươn nấu củ chuối ở Vũ Đoài

Đời sống được nâng cao, hiện nay có nhiều của ngon vật lạ nhưng trên mâm cỗ ngày tết của người dân xã Vũ Đoài (Vũ Thư) vẫn không thể thiếu món ăn dân dã canh lươn nấu củ chuối, một nét ẩm thực độc đáo của miền quê chiêm trũng.



Lươn nấu củ chuối được coi là món ăn truyền thống, đặc sản ở làng quê Vũ Đoài.

QUYỀN LƯU

Món ăn của làng quê

Lươn nấu củ chuối là món ăn mà từ người già đến trẻ nhỏ ở Vũ Đoài đều thấy thân thuộc. Nhắc đến đặc sản quê mình, cụ Trần Thị Thân, 105 tuổi, thôn 9 cho biết: Xa xưa, khi chưa quai đê trị thủy, Vũ Đoài là vùng quê nghèo, đồng chiêm, nước lụt, người dân sống bằng nghề đánh dậm, mò cua, bắt cá. Ngày ấy nghèo nàn, thịt thà khan hiếm nhưng con cá, con lươn thì rất sẵn, củ chuối cũng dễ kiếm ở các vườn bãi trong làng Đoài. Xuất phát từ đó, dân làng chế biến ra món canh lươn nấu củ chuối để dâng cúng ông bà, tổ tiên trong những dịp giỗ chạp, lễ tết, đồng thời tạo ra món ngon để con cháu, gia đình



Củ chuối sau khi được thái nhỏ, ngâm nước mè và vắt kỹ để nấu cùng với lươn.

quây quần thường thức trong điều kiện kinh tế còn thiếu thốn, đói khổ. Đời này nối tiếp đời khác, cho đến nay, món canh lươn nấu củ chuối trở thành món ăn truyền thống, không thể thiếu được trong mâm cỗ của người dân Vũ Đoài mỗi dịp đặc biệt. Bà Phạm Thị Duyên, thôn 11 cho biết: Ngày nay, món canh lươn nấu củ chuối trở thành đặc sản, món ăn mang "thương hiệu" của người dân Vũ Đoài. Hầu hết bà con ở địa phương đều biết cách chế biến món này. Tuy nhiên, khâu chế biến đòi hỏi công phu, tỉ mỉ nên thường dịp lễ, tết, nhà có đám xừ, giỗ chạp, hoặc thết đãi khách, các gia đình mới nấu món canh lươn củ chuối. Hiện nay, canh lươn nấu củ chuối được mọi người rất ưa chuộng trong những ngày tết vì món ăn mang hương vị dân dã, dễ ăn hơn các loại giò chả, thịt cá khác.

Chế biến công phu

Nguyên liệu để nấu món lươn với củ chuối khá đơn giản, dễ tìm ở làng quê, tuy nhiên khâu chế biến lại đòi hỏi công phu, cầu kỳ. Ông Nguyễn Văn Tiếp, thôn 4, chủ nhà hàng chế biến, cung cấp món lươn nấu củ chuối tại địa phương chia sẻ: Đến nay, người dân Vũ Đoài vẫn giữ cách chế biến món lươn nấu củ chuối truyền thống của quê hương. Vắt và, kỹ công nhất là khâu sơ chế hai nguyên liệu lươn và củ chuối. Đối với con lươn, bà con sử dụng muối và giấm để khử sạch nhớt và mùi tanh. Lươn được khéo léo tách xương sống, bỏ đầu, đuôi, giữ nguyên phần thịt để cuốn. Phần xương sống, đầu, đuôi lươn hoặc con lươn nhỏ được băm nhuyễn với thịt ba chỉ và các loại lá như lá sắn thuyền, lá lốt, xương xồng, mùi tàu, hành hoa, tất cả được gói lại trong chiếc lá mướp, lá xương xồng, rồi cuốn thêm miếng thịt lươn ra ngoài,

Cụ Nguyễn Văn Giám, 96 tuổi, thôn 2, xã Vũ Đoài



Trong mâm cơm của gia đình tôi mỗi dịp giỗ chạp, lễ, tết, gia đình sum họp đều có món lươn nấu củ chuối. Các con, các cháu, chắt của tôi rất thích món ăn này, nhất là những đứa đi công tác, làm ăn xa, lâu ngày mới có dịp trở về quê nhà, được ăn bát canh lươn củ chuối nóng hổi, phấn khởi lắm. Mong rằng thế hệ sau sẽ tiếp tục gìn giữ nét ẩm thực độc đáo của quê hương.

Bà Phạm Thị Liễu, thôn 8, xã Vũ Đoài



Mặc dù tốn khá nhiều công sức nhưng khi các con cháu có dịp về quê, tôi thường cố gắng nấu món lươn củ chuối, vừa để các con cháu có dịp thưởng thức món ăn ngon, bổ dưỡng, lành tính vừa để truyền dạy cách chế biến món ăn quê hương cho các con. Thông qua món ăn này, chúng tôi cũng khéo léo giáo dục thế hệ trẻ về tình yêu quê hương, nguồn cội.

dùng cọng rơm buộc lại. Củ chuối nấu lươn phải là củ chuối hột, chuối tây còn non, được bà con đào về, thái nhỏ, ngâm trong nước chanh, nước mè để củ chuối trắng ngần. Công đoạn nấu lại khá đơn giản. Củ chuối sau khi thái nhỏ, vắt ráo nước, được phi hành mỡ xào kỹ cùng với ớt, riềng, mè để củ chuối mềm, thấm gia vị. Sau đó, cho nước luộc gà, nước xương hầm cùng với những miếng lươn đã được cuốn sẵn đem ninh trong lửa nhỏ liu riu khoảng một giờ đồng hồ. Khi miếng lươn đã mềm, độ ngọt của lươn đã hòa quyện vào củ chuối và nước canh, tắt bếp, rắc vào nồi canh các loại rau thơm gồm lá sắn thuyền, hành hoa, tía tô và lá lốt thái nhỏ, khi đó hương vị của bát canh lươn nấu củ chuối ở Vũ Đoài thật sự hấp dẫn và riêng biệt.

Hương vị độc đáo nhờ lá sắn thuyền

Với gần 40 năm kinh nghiệm, ông Phạm Châu Tuệ, thôn 9 được bà con ca ngợi là một trong những "đầu bếp" xuất sắc của xã Vũ Đoài nấu món lươn nấu củ chuối. Ông Tuệ chia sẻ: Lá sắn thuyền là thứ gia vị quan trọng nhất và quyết định hương vị độc đáo, hấp dẫn, riêng có của món canh lươn củ chuối của Vũ Đoài mà không nơi nào có được. Ngoài ra, chúng tôi sử dụng mỡ lợn thay vì dầu ăn để xào, như vậy củ chuối mới thơm, mềm.



Lá sắn thuyền - gia vị làm nên hương vị khác biệt.

Đến nay, canh lươn nấu củ chuối trở thành món ăn truyền thống, yêu thích của người dân địa phương. Gia đình nào có thời gian có thể tự nấu món này tại nhà, còn nếu bận rộn, có thể nhờ dịch vụ cung cấp, nấu món lươn củ chuối của gia đình ông Tuệ, anh Tiếp và một số hộ ở xã. Thực khách cần vài ba bát, vài chục bát hay thậm chí 500 bát, 700 bát canh lươn nấu củ chuối chuẩn hương vị của làng quê Vũ Đoài đều có. Nhiều hộ thường mua lươn đã chế biến sẵn, đóng thùng xộp gửi đi cho con cháu hoặc làm quà biếu ở tỉnh xa.

Về Vũ Đoài ngày tết, trong mâm cơm ấm cúng của mỗi gia đình, bên cạnh giò, chả, bánh chưng, không thể thiếu bát canh lươn nấu củ chuối thơm nồng, hấp dẫn, mang hương vị dân dã, tự nhiên của vùng đồng quê chiêm trũng.